

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ BÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1389 /QĐ-UBND

Trà Bông, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
xây dựng Nông thôn mới năm 2023**

**Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là nghị định số 27/2022/NĐ-CP);*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai*

đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2023 từ nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2023;

Theo nghị của Trường Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 97a/NNPTNT ngày 07/4/2023 và đề xuất của Trường Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 175/TCKH ngày 07/4/2023.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 (nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh) và dự kiến vốn đối ứng ngân sách địa phương cụ thể như sau:

1. Phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 với số tiền 5.844.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng) để thực hiện các nội dung sau:

- Nội dung thành phần số 1: 240.000.000 đồng (Mã CTMT: 0491);
- Nội dung thành phần số 2: 2.160.000.000 đồng (Mã CTMT: 0492);
- Nội dung thành phần số 3: 2.700.000.000 đồng (Mã CTMT: 0493);
- Nội dung thành phần số 7: 210.000.000 đồng (Mã CTMT: 0497);
- Nội dung thành phần số 10: 150.000.000 đồng (Mã CTMT: 0501);
- Nội dung thành phần số 11: 384.000.000 đồng (Mã CTMT: 0493);

\* Nguồn kinh phí phân bổ: Tại Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Dự kiến nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương (Theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

- Vốn đối ứng ngân sách huyện: 536.000.000 đồng.
- Vốn đối ứng ngân sách xã: 180.000.000 đồng (xã bố trí ngân sách xã).

(chi tiết có Phụ lục kèm theo).

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm cấp phát kinh phí tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này; hướng dẫn, đôn đốc thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được bố trí kinh phí tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo đúng quy định và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan đảm bảo chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả, đúng quy trình quy định, đúng đối tượng, đúng mục tiêu của Chương trình theo quy định hiện hành.

b) Định kỳ, hàng tháng, quý và năm báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện (*qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) biết, theo dõi và tham mưu UBND huyện chỉ đạo.

c) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, chi tiêu đảm bảo chứng từ kế toán và thanh quyết toán kinh phí đúng theo quy định hiện hành.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (*Cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện xem xét, chỉ đạo và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước huyện Trà Bồng chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán kinh phí trên theo quy định hiện hành.

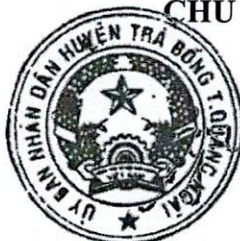
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa và Thông tin; Trưởng Công an huyện; Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Trà Bồng; Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (*báo cáo*);
- Thường trực Huyện ủy (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND huyện;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- VP: CPVP (KTTH), CVNN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hoàng Anh Ngọc



**PHỤ LỤC**  
**PHÂN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỌC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số: 1389/QĐ-UBND ngày 10 / 4 /2023 của UBND huyện Trà Bồng)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Phân bổ NS		Tổng phân bổ NS TW, NS tỉnh	Dự kiến vốn đối ứng Ngân sách huyện	Dự kiến ngân sách xã đối ứng	Tổng kinh phí phân bổ và dự kiến đối ứng	Ghi chú
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	(5)=(3)+(4)	6	7	8	9
I	Nội dung thành phần 01		240,000,000	240,000,000	42,000,000	18,000,000	300,000,000	
1	Nội dung 1: Rà soát điều chỉnh, lập mới, điều chỉnh chung xây dựng xã giai đoạn 2021 - 2025		240,000,000	240,000,000	42,000,000	18,000,000	300,000,000	
	UBND xã Trà Bình		240,000,000	240,000,000	42,000,000	18,000,000	300,000,000	
II	Nội dung thành phần 02		2,160,000,000	2,160,000,000	378,000,000	162,000,000	2,700,000,000	
1	Nội dung 01, 02: (Duy tu sửa chữa các công trình hạ tầng)		2,160,000,000	2,160,000,000	378,000,000	162,000,000	2,700,000,000	Thực hiện theo nội dung 01,02 Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và quy trình thực hiện theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính
1.1	UBND xã Trà Giang		360,000,000	360,000,000	63,000,000	27,000,000	450,000,000	
1.2	UBND xã Trà Tân		360,000,000	360,000,000	63,000,000	27,000,000	450,000,000	
1.3	UBND xã Trà Thủy		360,000,000	360,000,000	63,000,000	27,000,000	450,000,000	
1.4	UBND xã Trà Sơn		360,000,000	360,000,000	63,000,000	27,000,000	450,000,000	
1.5	UBND xã Trà Thanh		360,000,000	360,000,000	63,000,000	27,000,000	450,000,000	
1.6	UBND xã Trà Bùi		360,000,000	360,000,000	63,000,000	27,000,000	450,000,000	
II	Nội dung thành phần 03.		2,500,000,000	2,700,000,000	20,000,000	-	2,720,000,000	
1	Nội dung 02: Hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết sản xuất		2,500,000,000	2,500,000,000	-	-	2,500,000,000	
	UBND xã Trà Bình (Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ Gà thịt)		500,000,000	500,000,000			500,000,000	
	UBND xã Trà Tân (Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ Bò giống)		1,500,000,000	1,500,000,000			1,500,000,000	
	UBND xã Trà Giang (Dự án liên kết chăn nuôi và tiêu thụ Bò thịt)		500,000,000	500,000,000	-		500,000,000	

TT	Nội dung	Phân bổ NS		Tổng phân bổ NS TW, NS tỉnh	Dự kiến vốn đối ứng Ngân sách huyện	Dự kiến ngân sách xã đối ứng	Tổng kinh phí phân bổ và dự kiến đối ứng	Ghi chú
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh					
2	Nội dung 04: Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm, ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống. <i>Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	-	120,000,000	120,000,000	-	-	120,000,000	
3	Nội dung 08: thực hiện có hiệu quả chương trình Phát triển điểm du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới <i>Phòng Văn hóa và Thông tin huyện</i>	-	80,000,000	80,000,000	20,000,000	-	100,000,000	
IV	Nội dung thành phần 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan thôn sáng- xanh- sạch- đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam <i>Phòng Tài nguyên và Môi trường</i>	-	210,000,000	210,000,000	-	-	210,000,000	
	Nội dung 01: Thi điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn phát sinh <i>Phòng Tài nguyên và Môi trường</i>	-	210,000,000	210,000,000	-	-	210,000,000	
V	Nội dung thành phần 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn <i>Phòng Tài nguyên và Môi trường</i>	-	150,000,000	150,000,000	-	-	150,000,000	
1	Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn <i>Công an huyện</i>	-	150,000,000	150,000,000	-	-	150,000,000	
1.1	<i>Công an huyện</i>		150,000,000	150,000,000			150,000,000	
VI	Nội dung thành phần 11: tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM	-	384,000,000	384,000,000	96,000,000	-	480,000,000	
1	Nội dung 01: Quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát	-	128,000,000	128,000,000	32,000,000	-	160,000,000	
1.1	<i>Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>		38,000,000	38,000,000	2,000,000		40,000,000	
1.2	<i>UBND Xã Trà Bình</i>		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.3	<i>UBND Xã Trà Phú</i>		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.4	<i>UBND Xã Trà Tân</i>		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	

TT	Nội dung	Phân bổ NS		Tổng phân bổ NS TW, NS tỉnh	Dự kiến vốn đối ứng Ngân sách huyện	Dự kiến ngân sách xã đối ứng	Tổng kinh phí phân bổ và dự kiến đối ứng	Ghi chú
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh					
1.5	UBND xã Trà Giang		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.6	UBND Xã Trà Búi		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.7	UBND Xã Trà Phong		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.8	UBND Xã Trà Xinh		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.9	UBND Xã Trà Tây		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.10	UBND Xã Trà Thanh		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.11	UBND Xã Trà Sơn		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.12	UBND Xã Trà Thủy		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.13	UBND Xã Hương Trà		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.14	UBND Xã Sơn Trà		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.15	UBND Xã Trà Hiệp		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
1.16	UBND Xã Trà Lâm		6,000,000	6,000,000	2,000,000		8,000,000	
2	Nội dung 02: Tuyên truyền, tập huấn, nâng cao năng lực cán bộ thực hiện chương trình		256,000,000	256,000,000	64,000,000	-	320,000,000	
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		256,000,000	256,000,000	64,000,000		320,000,000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2,500,000,000</b>	<b>3,344,000,000</b>	<b>5,844,000,000</b>	<b>536,000,000</b>	<b>180,000,000</b>	<b>6,560,000,000</b>	-

Dự kiến vốn đối ứng ngân sách huyện sẽ phân bổ sau